

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/04/2025

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2025, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị H**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

- Bị đơn: Anh **Điều H1**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2025, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Chị Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị H và anh H1 quen biết một khoảng thời gian, chung sống như vợ chồng rồi đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 11/06/2001.

Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 chung sống với nhau tại nhà anh H1 thuộc tổ A, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng năm 2014 hai vợ

chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 không chịu tìm việc làm, ở nhà uống rượu, đánh đập vợ con, do thương tích không nặng nên chị H không báo chính quyền địa phương. Đôi khi anh H1 còn xúc phạm đến danh dự của chị H. Chị H đã rất nhiều lần cho anh H1 cơ hội để anh H1 thay đổi nhưng anh vẫn không có gì khác. Mọi chi tiêu trong gia đình là một mình chị H đi làm thuê để lo liệu mọi việc. Anh H1 có làm ra tiền thì cũng không lo cho vợ con mà đi uống rượu. Do không thể chung sống cùng với một người chồng không có trách nhiệm với gia đình và con cái như vậy nên chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2022 cho đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân thì cả hai cũng không quan tâm hay hỏi thăm đến nhau. Đến nay, vợ chồng không thể hòa giải, đoàn tụ được do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 con chung:

+ Cháu Điều Thị H2, sinh ngày: 07/05/2012.

+ Cháu Điều Duy T, sinh ngày: 25/11/2006.

+ Cháu Điều Duy K, sinh ngày: 01/08/2004.

+ Cháu Điều Thị D, sinh ngày: 01/01/2001.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H2. Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị H đang làm công nhân cạo mủ cao su tại xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Thu nhập mỗi tháng của chị H khoảng 6.000.000 đồng, có nơi ở ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu H2.

Riêng các cháu T, K và D hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 04 năm 2025, bị đơn - anh Điều H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Điều H1 và chị Thị H tìm hiểu nhau được 01 năm, chung sống như vợ chồng rồi đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 11/06/2001. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống chung cùng nhau tại tổ A, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Ngay từ khi mới chung sống thì cuộc sống cũng không hạnh phúc, đã có xảy ra cãi vã, bất hòa, đến năm 2022 qua một lần cãi nhau thì chị H bỏ nhà đi lên thành phố B để làm việc và sống ở nhà mẹ ruột luôn không về nhà anh H1 nữa. Từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Do thời gian sống ly thân đã lâu nên anh H1 nhận thấy không còn tình cảm với chị H nên anh H1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 con chung:

+ Cháu Điều Thị H2, sinh ngày: 07/05/2012.

- + Cháu Điều Duy T, sinh ngày: 25/11/2006.
- + Cháu Điều Duy K, sinh ngày: 01/08/2004.
- + Cháu Điều Thị D, sinh ngày: 01/01/2001.

Khi ly hôn, anh H1 đồng ý giao cháu H2 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng các cháu T, K và D hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên anh H1 không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Điều H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Thị H và anh Đ H1 được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cháu H2 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Riêng các cháu T, K và D hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - chị Thị H có yêu cầu ly hôn với bị đơn – anh Điều H1. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh Điều H1 hiện đăng ký thường trú tại địa chỉ tổ A, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thị H và anh Đ H1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 11/06/2001. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh H1 đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung của vợ chồng anh chị đã thiếu sự yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, thậm chí còn xúc phạm đến danh dự của nhau. Ngoài ra, cả hai vợ chồng đều xác định đã không còn tình cảm dành cho nhau và cũng không thể hàn gắn đoàn tụ cùng với nhau được nữa. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, anh chị cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và tôn trọng cuộc sống riêng của mỗi người. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh H1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị H và anh H1 cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Theo biên bản xác minh ngày 04/04/2025, địa phương cho biết: “... *Hiện nay hai vợ chồng chị H và anh H1 đang sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay*”.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh H1 chung sống có 04 con chung:

- + Cháu Điều Thị H2, sinh ngày: 07/05/2012.
- + Cháu Điều Duy T, sinh ngày: 25/11/2006.
- + Cháu Điều Duy K, sinh ngày: 01/08/2004.

+ Cháu Điều Thị D, sinh ngày: 01/01/2001.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H2. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với chị H, yêu cầu của chị H được anh H1 đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, tiếp tục giao con chung cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Chị H hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị H không yêu cầu nên tạm thời anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H và anh H1 đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí:** Chị Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] **Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:** Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Thị H và anh Điều H1 được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu cháu Điều Thị H2, sinh ngày: 07/05/2012 cho chị Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Riêng các cháu Điều Duy T, sinh ngày: 25/11/2006; Điều Duy K, sinh ngày: 01/08/2004; Điều Thị D, sinh ngày: 01/01/2001 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.2. Anh Điều H1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Điều H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thị H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008607 ngày 03 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (GNCKH số 23/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh